Ngày dạy:

**TIẾT 69: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG VII**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp các đa thức một biến.

- Vận dụng được những tính chất của phép tính đó trong tính toán.

**2. Phẩm chất:**

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân: Sử dụng thời gian hợp lí trong quá trình làm bài tập **II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Lý thuyết**

**a, Mục tiêu:** HS ôn lại những kiến thức cơ bản của chương VII.

**b, Nội dung:** HS nhắc lại kiến thức về biểu thức đại số, đa thức một biến, các phép tính cộng, trừ, nhân, chia đa thức một biến.

**c, Sản phẩm:** Câu trả lời về nội dung kiến thức của chương VII.

**d, Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  GV yêu cầu HS hoạt động nhóm bàn:  Yêu cầu HS quan sát nội dung  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát các nội dung.  - Thảo luận nhóm viết các nội dung cần thực hiện.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi các nhóm lần lượt trả lời.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các nội dung lý thuyết. | **I. Lý Thuyết**  1. Biểu thức đại số  a, Biểu thức đại số  b, Giá trị của biểu thức đại số  2. Đa thức một biến  a, Đơn thức một biến  b, Khái niệm đa thức một biến  c, Đa thức một biến thu gọn  d, Sắp xếp đa thức một biến  e, Bậc và các hệ số của một đa thức  f, Nghiệm của đa thức một biến  3. Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia đa thức một biến  a, Cộng hai đa thức một biến  b, Trừ hai đa thức một biến  c, Nhân đơn thức với đa thức  d, Nhân đa thức với đa thức  e, Chia đa thức cho đa thức trong hai trường hợp chia hết và chia có dư. |

**2. Hoạt động 2: Luyện tập**

**a, Mục tiêu:** HS vận dụng được các kiến thức đã học để làm các bài tập về biểu thức đại số và đa thức một biến, giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b, Nội dung:** Làm các bài tập 7.43; 7.44 SGK/46.

**c, Sản phẩm:** Lời giải các bài tập 7.43; 7.44 SGK/46.

**d, Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  **-** Yêu cầu HS làm bài tập 7.43 SGK/46  - Muốn kiểm tra xem một giá trị nào đó có phải là nghiệm của đa thức đã cho hay không ta thực hiện như thế nào?  Yêu cầu HS hoạt động nhóm  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 7.43 SGK/46  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu vài HS nhắc lại cách thực hiện  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài làm tốt và làm chưa tốt.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - Yêu cầu HS làm bài tập 7.44 SGK/46  - Yêu cầu hoạt động nhóm.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 7.44  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu đại diện 3 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **II. Luyện tập**  **Bài 7.43:** SGK/46.  a, Thay x = 1 vào đa thức F(x) = ax2 + bx + c, ta có:  F(1) = a.12 + b.1 + c = a + b + c  Theo đề bài có: a + b + c = 0  Do đó, F(1) = 0. Vậy x = 1 là một nghiệm của đa thức F(x)  b, Ta có: Đa thức 2x2 – 5x + 3 có a = 2 ; b = -5; c = 3 nên  a + b + c = 2 + (-5) + 3 = 0  Do đó, đa thức có 1 nghiệm là x = 1  **Bài 7.44:** SGK/46.  a, Muốn tìm đa thức B ta phải thực hiện phép tính: (A + B) – A  Có: B = (A + B) – A = (x3 + 3x + 1) – (x4 + x3 – 2x – 2) = x3 + 3x + 1 – x4 - x3 + 2x + 2  = – x4 + (x3 – x3) + (3x + 2x) + (1 + 2)  = – x4 + 5x + 3  b, C = (A – C) – A  = x5 – (x4 + x3 – 2x – 2)  = x5 – x4 - x3 + 2x + 2  c, D = (2x3 – 3) . A  = (2x3 – 3) . (x4 + x3 – 2x – 2)  = 2x7 + 2x6 – 4x4 – 4x3 – 3x4 – 3x3 + 6x + 6  = 2x7 + 2x6 – 7x4 – 7x3 + 6x + 6  d, P = A:(x + 1) = (x4 + x3 – 2x – 2):(x + 1)  Bài 6.44  Vậy P = x3 - 2  e, Q = A : (x2 + 1)  Nếu A chia cho đa thức x2 + 1 không dư thì có một đa thức Q thỏa mãn  Ta thực hiện phép chia (x4 + x3 – 2x – 2) : (x2 + 1)  Bài 6.44  Do phép chia có dư nên không tồn tại đa thức Q thỏa mãn. |

**3. Hoạt động 3: Vận dụng**

**a, Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b, Nội dung:** Bài 7.42 SGK/46

**c, Sản phẩm:** Lời giải của học sinh.

**d, Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập:**  - Làm bài tập 7.42 SGK/46 theo cặp.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  - HS đọc, tóm tắt đề bài và làm bài theo cặp.  **\* Báo cáo, thảo luận :**  - GV yêu cầu HS lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định :**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Bài 7.42:** SGK/46  a, Với 0,5 km đầu tiên, người đó phải trả: 8000 (đồng)  Quãng đường còn lại người đó phải đi là: x – 0,5 (km)  Trong x – 0,5 km đó, người đó phải trả: (x – 0,5) . 11000 (đồng)  Đa thức biểu thị số tiền mà người đó phải trả là:  T(x) = 8000 + (x – 0,5). 11000  = 8000 + x . 11000 – 0,5 . 11000  = 8000 + 11000x – 5500  = 11000x + 2500  Bậc của đa thức là: 1  Hệ số cao nhất: 11000  Hệ số tự do: 2500  b, Thay x = 9 vào đa thức T(x), ta được:  T(9) = 11 000 . 9 + 2 500 = 101500  Giá trị này nói lên số tiền mà người đó phải trả khi đi 9 km là 101500 đồng |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Xem lại lý thuyết và các dạng bài tập đã chữa

- Làm bài tập 7.45; 7.46 SGK /46